

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 59 /2017/HNGĐ-PT

Ngày: 27-12-2017

V/v Ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phương

Các thẩm phán: Ông Phạm Thành Dương

Ông Nguyễn Công Sự

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Phạm Duy Anh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Uyên- Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2017/TLPT-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017 về việc “Ly hôn”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 270/2017/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 74/2017/QĐ-PT ngày 21 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Thị L, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ X, khu phố Y, phường Z, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Trần Anh K, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ X, khu phố Y, phường Z, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông K: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1983 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Nai (có mặt).

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Trần Anh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

- *Nguyên đơn bà Vũ Thị L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Anh K kết hôn năm 2008, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không ai còn quan tâm chăm sóc đến ai, bà đã một lần nộp đơn xin ly hôn nhưng đã rút đơn về để cho hai bên thêm cơ hội nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên nay bà xin được ly hôn với ông K.

Về con chung: Bà và ông K có 02 con chung tên là: Trần Thị Thảo V, sinh ngày 05/01/2009 và Trần Anh T, sinh ngày 23/5/2014. Ly hôn bà xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Bà làm công nhân công ty W, thu nhập hàng tháng là 7.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Trần Anh K trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Vũ Thị L kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình làm việc và hòa giải tại Tòa án, ông K khai quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã. Trước đây bà L đã một lần làm đơn xin ly hôn, sau đó bà L rút đơn để vợ chồng hàn gắn nhưng mâu thuẫn vẫn cứ tiếp tục. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông lại khẳng định vợ chồng sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn, ông xác định vẫn còn tình cảm với bà L, không muốn gia đình đổ vỡ nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà L có 02 con chung tên là: Trần Thị Thảo V, sinh ngày 05/01/2009 và Trần Anh T, sinh ngày 23/5/2014. Nếu Tòa giải quyết cho ly hôn thì ông xin nuôi cháu T, đồng ý giao cháu V cho bà L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, nhưng nếu Tòa giao cả hai cháu cho bà L nuôi dưỡng thì ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án số 270/2017/HNGĐ-ST ngày 01/9/2017, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203 và Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án, tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị L được ly hôn với ông Trần Anh K.

Về con chung: Có 02 con chung là: Trần Thị Thảo V, sinh ngày 05/01/2009 và Trần Anh T, sinh ngày 23/5/2014. Giao hai cháu cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 08 tháng 9 năm 2017, bị đơn ông Trần Anh K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 270/2017/HNGĐ-ST ngày 01/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Lý do của việc kháng cáo: Bản án sơ thẩm không khách quan và thiếu xem xét toàn diện vấn đề. Ông K yêu cầu Tòa phúc thẩm bác yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Vũ Thị L, trong trường hợp yêu cầu xin ly hôn của bà L được chấp nhận thì ông yêu cầu được giao cháu Trần Anh T cho ông trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu Trần Thị Thảo V thì giao cho bà L nuôi dưỡng, ông và bà L không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông K: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh K về việc bác đơn ly hôn của bà L. Trong trường hợp Tòa án vẫn xử ly hôn thì đề nghị chấp nhận cho anh K được nuôi cháu T như anh K yêu cầu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Cấp sơ thẩm giải quyết cho bà L ly hôn với ông K và giao 2 con chung cho bà L nuôi dưỡng, ông K cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng là có căn cứ và phù hợp pháp luật. Do đó kháng cáo của ông K về việc ly hôn cũng như về việc nuôi con là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Anh K và bà Vũ Thị L đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt ông K và bà L.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Anh K về việc bác yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Vũ Thị L: Xét thấy cả nguyên đơn và bị đơn đều khai nhận là đời sống vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Bà L đã từng một lần nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án vào năm 2016 tuy nhiên sau đó rút đơn để hai vợ chồng có thêm cơ hội hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng nỗ lực này không thành vì mâu thuẫn giữa bà L và ông K vẫn thường xuyên xảy ra. Hơn nữa, thực tế hiện nay ông K và bà L đã

sống ly thân, khó có khả năng đoàn tụ xây dựng lại gia đình hạnh phúc. Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Vũ Thị L là có cơ sở. Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, ông K không cung cấp được chứng cứ gì khác ngoài các chứng cứ có trong hồ sơ nên yêu cầu kháng cáo này của ông K không có căn cứ chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu của ông K về việc giao cháu Trần Anh T cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng: Xét thấy tuy rằng điều kiện kinh tế và thu nhập của bà L và ông K là tương đương nhau nhưng thực tế từ khi ly thân đến nay bà L là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu T. Hơn nữa cháu T (sinh ngày 23/5/2014) tuy đã hơn 36 tháng tuổi nhưng vẫn còn nhỏ, để tránh việc ly hôn của cha mẹ làm ảnh hưởng đến cuộc sống và tâm lý của cháu nên việc Tòa án sơ thẩm giao cháu T cho mẹ là bà L trực tiếp chăm sóc là phù hợp. Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, ông K không cung cấp được chứng cứ gì khác ngoài các chứng cứ có trong hồ sơ nên yêu cầu kháng cáo này của ông K cũng không có căn cứ chấp nhận.

[4] Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã thiếu sót khi không áp dụng điều luật về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền (Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015) và sai sót về cách tuyên đối với nghĩa vụ chậm trả (do cấp sơ thẩm tuyên theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 là không đúng, cần áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tuyên). Do vậy, sửa bản án sơ thẩm về áp dụng pháp luật và cách tuyên.

[5] Đối với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích của ông K: Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ và không phù hợp nên không chấp nhận.

[6] Đối với ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa: Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là ông K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông K số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu số 002461 ngày 13/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 270/2017/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai về áp dụng pháp luật và cách tuyên.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Anh K.

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị L về việc xin ly hôn với ông Trần Anh K.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị L được ly hôn với ông Trần Anh K.

- Về con chung: Giao 02 (hai) con chung là Trần Thị Thảo V, sinh ngày 05/01/2009 và Trần Anh T, sinh ngày 23/5/2014 cho bà Vũ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 (hai) con số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) mỗi tháng.

Ông K được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và/hoặc cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Các bên đều khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà L phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 009318 ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa. Ông K phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Ông K không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông K số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu số 002461 ngày 13/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND TP.Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP.Biên Hòa;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Phụng